

Thực trạng kiến thức, thái độ và tuân thủ cấm hút thuốc trong sinh viên cử nhân chính quy và cán bộ trường Đại học Y tế Công cộng

Nguyễn Ngọc Bích^{1,2}, Vũ Thị Hoàng Lan¹, Margaret Cook², Kelly Johnstone², Mike Capra²

Hút thuốc thụ động mang lại những ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe. Nghiên cứu mô tả cắt ngang hai giai đoạn được tiến hành trên cán bộ và sinh viên chính quy trường Đại học Y tế Công cộng (YTCC) với mục tiêu tìm hiểu kiến thức và thái độ về Luật và quy định cấm hút thuốc trong trường, kiến thức và thái độ đối với hút thuốc thụ động cũng như sự ủng hộ đối với Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá. Kết quả nghiên cứu cho thấy cán bộ và sinh viên trường YTCC có kiến thức tốt và tăng theo thời gian về các quy định cấm hút thuốc trong trường (sinh viên tăng từ 87,1% lên 95,8%, cán bộ tăng từ 94,3% lên 98,2%). Sinh viên và cán bộ trường có kiến thức và thái độ đúng về hút thuốc thụ động với tỷ lệ cao (trên 95% sinh viên và cán bộ có kiến thức đúng về tác hại của hút thuốc thụ động ở cả hai giai đoạn và tăng lên theo thời gian). Tại trường Đại học YTCC, việc tuân thủ quy định cấm hút thuốc trong nhà trường được thực hiện tương đối tốt với tỷ lệ báo cáo vi phạm thấp.

Từ khóa: cấm hút thuốc, sinh viên, cán bộ, chính sách, trường đại học

Status of knowledge, attitude and compliance toward smoke-free policy among undergraduate students and staff at the Hanoi School of Public Health

Nguyen Ngoc Bich^{1,2}, Vu Thi Hoang Lan¹, Margaret Cook², Kelly Johnstone², Mike Capra²

Passive smoking is harmful to health. This cross-sectional study aims to explore knowledge and attitudes of students and staff of Hanoi School of Public Health (HSPH) on Tobacco Control Law, the school's smoke-free regulation, harmful effects of SHS to health, and supports for Tobacco Control Law enforcement. Results show that HSPH students and staff highly complied with smoke-free regulation at both study phases (compliance rate increased from 87.1% in phase 1 to 95.8% in phase 2 among students and from 94.3% to 98.2% among staff). More than 95% of students and staff had good knowledge on harmful effects of SHS to health and the proportion increased in phase 2 in both student

and staff groups. At the HSPH, the proportion of students and staff violated smoke-free policy was low (less than 10% at all settings).

Key words: smoke-free, student, staff, policy, university

Tác giả:

1. Trường Đại học Y tế Công cộng
2. Trường Đại học Tổng hợp Queensland, Úc

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong 15 quốc gia có tỷ lệ hút thuốc lá cao nhất thế giới với 47,4% nam giới và 1,4% nữ giới hút thuốc lá, theo điều tra toàn cầu về thuốc lá ở người trưởng thành năm 2010 [14] (GATS). Cũng theo kết quả điều tra GATS, bên cạnh tỷ lệ hút thuốc lá cao, tỷ lệ người bị phơi nhiễm với hút thuốc thụ động ở Việt Nam cũng rất cao. Trong số các địa điểm công cộng, trường Đại học được liệt kê là địa điểm đứng thứ hai về tỷ lệ phơi nhiễm với khói thuốc thụ động (54,3%) chỉ sau nhà hàng và quán bar (89,7%).

Việc xây dựng môi trường không khói thuốc mang lại nhiều tác động tích cực cho sức khỏe của cả người hút thuốc và người không hút thuốc [10, 13, 15] đồng thời cũng hỗ trợ người hút thuốc trong việc bỏ thuốc lá [8, 10].

Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá đã được thông qua và có hiệu lực từ tháng 5 năm 2013 trong đó quy định việc cấm hút thuốc tại các khu vực trong nhà của các trường Đại học. Nghị định 176/2013 của chính phủ đã được ban hành hướng dẫn việc thực hiện và xử phạt vi phạm hành chính hành vi hút thuốc tại các địa điểm bị cấm. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành Chỉ thị 6036/CT-BGDĐT về việc triển khai Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá tại các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên hiện vẫn chưa có báo cáo về thực trạng triển khai cấm hút thuốc tại các cơ sở đào tạo đại học.

Trường Đại học Y tế Công cộng (YTCC) bắt đầu triển khai cấm hút thuốc trong toàn bộ khuôn viên của nhà trường từ năm 2004 và đã được Tổ chức Y

tế thế giới trao tặng Kỷ niệm chương nhân ngày Thế giới không thuốc lá 2009.

Với mong muốn đánh giá thực trạng việc duy trì mô hình ngôi trường không khói thuốc và thay đổi sau 1 năm sau Nghị định 176 được ban hành tại trường Đại học Y tế Công cộng, nghiên cứu mô tả cắt ngang 2 giai đoạn được tiến hành với mục tiêu:

- Mô tả thực trạng hút thuốc của cán bộ và sinh viên trường Đại học Y tế Công cộng 2014 - 2015.
- Mô tả kiến thức và thái độ với hút thuốc thụ động và sự ủng hộ với các chính sách cấm hút thuốc nơi công cộng 2014 - 2015.
- Mô tả việc tuân thủ quy định cấm hút thuốc tại trường Đại học Y tế Công cộng.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Toàn bộ cán bộ hiện đang công tác tại trường Đại học Y tế Công cộng và sinh viên cử nhân chính quy đang học năm 1 năm 2 và năm 3 tại trường.

2.2. Thời gian nghiên cứu: Giai đoạn 1: Tháng 1 - 5 năm 2014, giai đoạn 2 tháng 1 - 5 năm 2015.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang hai giai đoạn.

2.4. Phương pháp thu thập số liệu:

Nghiên cứu kết hợp định lượng thu thập qua bộ câu hỏi tự điền. Bộ câu hỏi đã sử dụng số câu về tình trạng hút thuốc, kiến thức về chính sách và sự ủng

hộ với chính sách trong bộ câu hỏi điều tra toàn cầu về thuốc lá ở người trưởng thành, và các câu hỏi về thái độ đối với việc hút thuốc thụ động trong nghiên cứu của Thraser [12].

Số liệu được nhập liệu bằng phần mềm Epidata và xử lý bằng phần mềm SPSS18.0. Test Khi bình phương được sử dụng để so sánh kết quả giữa hai giai đoạn.

3. Kết quả

3.1 Thông tin chung

Tổng số 388 sinh viên và 122 cán bộ đã tham gia trả lời bộ câu hỏi nghiên cứu giai đoạn 1. Trong giai đoạn 2 đã có 433 sinh viên và 114 cán bộ tham gia điền phiếu. Tỷ lệ nữ giới trong sinh viên chiếm xấp xỉ 80% trong cả 2 giai đoạn. Đối với giảng viên, tỷ lệ nữ giới chiếm gần 70% tổng số cán bộ tham gia vào nghiên cứu. Độ tuổi trung bình của sinh viên tham gia vào nghiên cứu là $21,2 \pm 1,1$ cho giai đoạn 1 và $20,3 \pm 1,1$ cho giai đoạn 2. Đối với nhóm cán bộ giảng viên, độ tuổi trung bình tham gia vào nghiên cứu giai đoạn 1 là $32,9 \pm 8,8$ và giai đoạn 2 là $34,0 \pm 8,2$. Xấp xỉ 50% cán bộ là giảng viên, hơn 30% là cán bộ hành chính, ngoài ra là cán bộ kỹ thuật và các đối tượng khác.

Bảng 1 Tỷ lệ hút thuốc trong sinh viên và cán bộ trường Đại học YTCC

	Sinh viên		Cán bộ	
	GD 1	GD 2	GD 1	GD 2
Hút hàng ngày	1	0	2	1
	0,3%	0%	1,6%	0,9%
Thỉnh thoảng hút	1	2	3	2
	0,3%	0,5%	2,5%	1,8%
Không hút	379	374	114	109
	97,7%	86,4%	93,4%	95,6%
Không biết	7	57	3	2
	1,8%	13,2%	2,5%	1,8%
Tổng số	388	433	122	114
	100%	100%	100%	100%

Bảng 1 mô tả tỷ lệ hút thuốc trong sinh viên và cán bộ trường Đại học Y tế Công cộng. Với sinh viên cử nhân, tỷ lệ hút thuốc thấp, dưới 1% cho cả hút thuốc hàng ngày và thỉnh thoảng (0,3% hút thuốc hàng ngày và 0,3% thỉnh thoảng hút trong giai đoạn 1 và 0,5% thỉnh thoảng hút trong giai đoạn 2). Tỷ lệ

này ở cán bộ là 1,6% hút thuốc hàng ngày và 2,5% thỉnh thoảng hút ở giai đoạn 1 và 0,9% hút hàng ngày và 1,8% thỉnh thoảng hút trong giai đoạn 2. Không có nữ sinh viên và nữ cán bộ giảng viên hút thuốc trong số cán bộ và sinh viên hệ chính quy tham gia vào nghiên cứu tại trường Đại học YTCC. Tỷ lệ nam sinh viên hút thuốc là 2,6% giai đoạn 1 và 1,9% giai đoạn 2. Với nam giới là cán bộ, tỷ lệ hút thuốc giai đoạn 1 là 14,3% và giai đoạn 2 là 8,6%.

3.2. Hiểu biết về chính sách cấm hút thuốc trong trường Đại học

Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá quy định đối với các trường Đại học cấm hút thuốc toàn bộ các khu vực trong nhà là các khu vực có mái che hoặc có tường và ít nhất 1 vách ngăn. Khi được hỏi về quy định cấm hút thuốc trong Luật dành cho các trường Đại học, chỉ có 57,3% sinh viên trả lời đúng ở giai đoạn 1, tỷ lệ này giảm đi có ý nghĩa thống kê ở giai đoạn 2 (39,5%). Trong khi đó kiến thức về Luật PCTHTL trong cán bộ ở giai đoạn 2 (62,5%) tăng lên có ý nghĩa thống kê so với giai đoạn 1 (46,7%).

Bảng 2. Tỷ lệ sinh viên và cán bộ trả lời về quy định của Luật cấm hút thuốc trong trường Đại học

Nhận định về quy định của Luật Phòng PCTHTL trong các trường Đại học	Sinh viên		Cán bộ	
	GD 1	GD 2	GD 1	GD 2
Được phép hút thuốc ở mọi nơi	6	4	1	0
	1,6%	0,9%	0,8%	0,0%
Được phép hút thuốc ở một số khu vực trong nhà	103	125	31	31
	27,5%	29,1%	25,4%	27,7%
Không được phép hút thuốc ở bất kỳ khu vực nào trong nhà	215	170	57	70
	57,3%	39,5%***	46,7%	62,5%*
Không có Luật	21	13	4	1
	5,6%	3,0%	3,3%	0,9%
Khác	30	28	0	2
	8,0%	6,5%	0,0%	1,8%
Không biết	0	90	29	8
	0,0%	20,9%	23,8%	7,1%
Chung	375	430	122	112
	100%	100%	100%	100%

* p < 0,05; *** p < 0,001

Mặc dù kiến thức về Luật PCTHTL chưa cao và giảm đi ở giai đoạn 2, tuy nhiên nhận thức về quy định tại trường do nhà trường ban hành của sinh viên YTCC cao với 87,1% trả lời đúng ở giai đoạn 1 và tăng lên có ý nghĩa thống kê ở giai đoạn 2 (95,8%). Hầu hết cán bộ

tại trường trả lời đúng về quy định do nhà trường ban hành (94,3% ở giai đoạn 1 và 98,2% ở giai đoạn 2).

Bảng 3. Tỷ lệ sinh viên và cán bộ trường Đại học YTCC hiểu biết về quy định cấm hút thuốc do nhà trường ban hành

Nhận định về quy định cấm hút thuốc do nhà trường ban hành	Sinh viên		Cán bộ	
	GD 1	GD 2	GD 1	GD 2
Được phép hút thuốc ở các khu vực trong nhà	3 0,8%	5 1,2%	0 0%	0 0%
Được phép hút thuốc ở một số khu vực trong nhà	35 9,2%	7 1,6%	2 1,6%	0 0,0%
Hoàn toàn không được phép hút thuốc ở các khu vực trong nhà	331 87,1%	414 95,8%***	115 94,3%	112 98,2%
Không có quy định cấm	6 1,6%	1 ,2%	0 0%	0 0%
Không biết	5 1,3%	5 1,2%	5 4,1%	2 1,8%
Chung	380 100%	432 100%	122 100%	114 100%

*** p< 0,001

3.3. Kiến thức về ảnh hưởng của hút thuốc thụ động

Bảng 4. Tỷ lệ sinh viên và cán bộ biết về tác hại của khói thuốc thụ động gây các bệnh cụ thể

Kiến thức về tác hại khói thuốc thụ động gây nên	Sinh viên		Cán bộ	
	GD 1	GD 2	GD 1	GD 2
Có biết hút thuốc thụ động có thể gây hại cho người không hút thuốc lá	383 99,2%	432 99,5%	119 97,5%	112 98,2%
Bệnh tim mạch	312 84,1%	356 85,8%	104 85,2%	89 78,1%
Các bệnh phổi	380 99,7%	412 99,5%	117 95,9%	112 98,2%
Ung thư phổi	367 97,1%	401 96,9%	101 82,8%	98 86,0%
Các ung thư khác	266 71,9%	308 74,4%	77 63,1%	80 70,2%
Trẻ sơ sinh nhẹ cân	328 87,5%	329 79,5%**	93 76,2%	87 76,3%
Sảy thai	330 87,8%	347 83,8%	86 70,5%	81 71,1%

** p< 0,01

Hầu hết sinh viên và cán bộ của trường nhận thức được hút thuốc thụ động có thể gây bệnh cho

người không hút thuốc. Tỷ lệ có câu trả lời đúng ở sinh viên là hơn 99% cho cả 2 giai đoạn và ở cán bộ là 97,5% ở giai đoạn 1 và 98,2% ở giai đoạn 2, chi tiết xem bảng 4.

Khi được hỏi về các bệnh cụ thể có thể gây ra do hút thuốc thụ động, sinh viên và cán bộ trường Đại học YTCC có tỷ lệ cao trả lời đúng các câu hỏi liên quan đến bệnh phổi (99,7% ở giai đoạn 1 và 99,5% ở giai đoạn 2 đối với sinh viên và 95,9% ở giai đoạn 1 và 98,2% ở giai đoạn 2 đối với cán bộ), ung thư phổi (97,1% ở giai đoạn 1 và 96,9% ở giai đoạn 2 đối với sinh viên và 82,8% ở giai đoạn 1 và 86,0% ở giai đoạn 2 đối với cán bộ), đối với các bệnh khác, tỷ lệ trả lời đúng ở sinh viên đều lớn hơn 70% và cao hơn cán bộ. Tỷ lệ trả lời đúng đối với trẻ sơ sinh nhẹ cân ở sinh viên trong giai đoạn 2 giảm có ý nghĩa thống kê so với giai đoạn 1.

3.4. Sự ủng hộ đối với quy định cấm hút thuốc và thái độ với hút thuốc thụ động

Bảng 5. Tỷ lệ ủng hộ cấm hút thuốc trong trường Đại học ở sinh viên và cán bộ

Sự ủng hộ với quy định cấm hút thuốc lá	Sinh viên		Cán bộ	
	GD 1	GD 2	GD 1	GD 2
Chỉ cấm hút thuốc trong nhà	321 94,7%	388 89,6%*	57 46,7%	54 47,4%
Cấm hút thuốc cả trong và ngoài nhà	347 93,0%	426 98,4%***	101 82,8%	108 94,7%**

* p< 0,05

** p< 0,01

*** p< 0,001

Bảng 5 cho thấy sự ủng hộ của sinh viên và cán bộ trường YTCC đối với quy định cấm hút thuốc trong trường Đại học. Đối với sinh viên, lựa chọn “Chỉ cấm hút thuốc trong nhà” giảm có ý nghĩa thống kê ở giai đoạn 2 so với giai đoạn 1, trong khi đó tỷ lệ lựa chọn ủng hộ “cấm hút thuốc cả trong và ngoài nhà” tăng có ý nghĩa thống kê từ 93% ở giai đoạn 1 lên 98,4% ở giai đoạn 2. Tỷ lệ cán bộ chọn “Chỉ cấm hút thuốc trong nhà” thấp, nhỏ hơn 50% ở cả 2 giai đoạn, trong khi đó tỷ lệ lựa chọn ủng hộ “Cấm hút thuốc cả trong và ngoài nhà” ở cán bộ tăng có ý nghĩa thống kê từ 82,8% ở giai đoạn 1 lên 94,7% ở giai đoạn 2.

Bảng 6 cho thấy tỷ lệ sinh viên và cán bộ có thái độ phù hợp với các nhận định về hút thuốc thụ động là tương đối cao đặc biệt là nhận định về quyền của người hút thuốc, quyền của người không hút thuốc và tác động của quy định cấm hút thuốc nơi công

cộng lên sức khỏe của người không hút thuốc là rất cao với hơn 90% có thái độ phù hợp ở cả sinh viên và cán bộ và ở cả 2 giai đoạn. Tuy nhiên tỷ lệ sinh viên và cán bộ có thái độ phù hợp với nhận định “Nếu ai đó không muốn hít phải khói thuốc, thì họ nên đi ra chỗ khác” còn chưa cao với hơn 60% ở sinh viên và hơn 75% ở cán bộ giáo viên. Đối với nhận định “Người không hút thuốc không cần phải lo lắng về sức khỏe khi ở trong phòng có người hút thuốc” tỷ lệ sinh viên có thái độ phù hợp ở giai đoạn 2 giảm so với giai đoạn 1 trong khi tỷ lệ này ở cán bộ tăng có ý nghĩa thống kê.

Bảng 6. Tỷ lệ sinh viên và cán bộ có thái độ phù hợp với các nhận định khác nhau về hút thuốc thụ động

Nhận định về hút thuốc thụ động	Sinh viên		Cán bộ	
	GD 1	GD 2	GD 1	GD 2
Người hút thuốc có quyền được hút thuốc tại khu vực cấm hút thuốc	357	404	113	105
	92,0%	93,3%	92,6%	92,1%
Nếu ai đó không muốn hít phải khói thuốc, thì họ nên đi ra chỗ khác	253	271	94	86
	65,2%	62,6%	77,0%	75,4%
Người không hút thuốc có quyền hít thở không khí trong lành không khói thuốc lá	368	398	114	114
	94,8%	91,9%	93,4%	100%**
Người không hút thuốc không cần phải lo lắng về sức khỏe khi ở trong phòng có người hút thuốc	388	391	88	99
	100%	90,3%***	72,1%	86,8%**
Quy định cấm hút thuốc nơi công cộng bảo vệ sức khỏe của người không hút thuốc	351	392	113	109
	90,5%	90,5%	92,6%	95,6%
Quy định cấm hút thuốc nơi công cộng bảo vệ sức khỏe của người hút thuốc	288	304	102	91
	74,2%	70,2%	83,6%	79,8%

** p< 0,01; *** p< 0,001

3.5. Thực trạng tuân thủ quy định cấm hút thuốc tại trường Đại học YTCC

Trong giai đoạn 1, có duy nhất 1/2 sinh viên có ghi nhận đã hút thuốc tại trường trong 30 ngày qua, sang giai đoạn 2 không có sinh viên nào ghi nhận có hút thuốc tại trường. Kết quả tương tự đối với cán bộ với 1/5 cán bộ hút thuốc có hút tại trường trong giai đoạn 1 và 0/4 cán bộ hút thuốc tại trường trong vòng 30 ngày trước ngày điều tra.

Khi được hỏi về việc nhìn thấy có người hút thuốc trong trường trong vòng 30 ngày qua, tỷ lệ này

ở sinh viên là 28,4% ở giai đoạn 1 và giảm đi có ý nghĩa thống kê (p<0,01) trong giai đoạn 2 với 19,9% trả lời có nhìn thấy người hút thuốc trong 30 ngày qua tại trường. Ở cán bộ, trong giai đoạn 1 có 18,9% cán bộ ghi nhận có người hút thuốc tại trường tuy nhiên tỷ lệ này giảm có ý nghĩa thống kê trong giai đoạn 2 với 7,9% cán bộ trả lời là có (p<0,05). Kết quả chi tiết trong bảng 7.

Bảng 7. Tỷ lệ sinh viên và cán bộ ghi nhận vi phạm hút thuốc tại một số địa điểm trong nhà ở trường Đại học YTCC

Địa điểm	Sinh viên		Cán bộ	
	GD 1	GD 2	GD 1	GD 2
Hành lang	17	18	7	3
	4,4%	4,2%	5,7%	2,6%*
Căng tin	14	19	8	1
	3,6%	4,4%	6,6%	0,9%*
Tầng thượng	13	7	4	3
	3,4	1,6%	3,3%	2,6%
Nhà vệ sinh	24	11	5	2
	6,2	2,5%	4,1%	1,8%
Phòng họp	1	1	0	0
	0,3%	0,2%	0%	0%
Phòng làm việc của cán bộ	10	3	0	0
	2,6%	0,7%*	0%	0%
Ký túc xá	41	26	3	1
	10,6	6,0%*	2,5%	0,9%

* p< 0,05

4. Bàn luận

Tỷ lệ hút thuốc lá trong sinh viên và cán bộ của trường Đại học Y tế Công cộng thấp với dưới 1% (cho cả nhóm hút hàng ngày và thỉnh thoảng hút) ở sinh viên trong cả 2 giai đoạn điều tra, tỷ lệ này ở nhóm cán bộ cao hơn sinh viên, tuy nhiên cũng chỉ chiếm 4,1% cán bộ ở giai đoạn 1 và 2,7% ở giai đoạn 2. Tỷ lệ này giảm nhiều so với nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hà và Phạm Quỳnh Nga tiến hành năm 2006 với 17,6% giảng viên và thực tập sinh hút thuốc, 11,6% sinh viên cử nhân hút thuốc [4]. Tỷ lệ hút thuốc ở sinh viên thấp hơn nhiều so với các nghiên cứu ở Việt Nam như điều tra toàn cầu về Thuốc lá ở người trưởng thành với 47,4% nam giới trưởng thành và 1,4% nữ giới trưởng thành hút thuốc [14], cũng trong điều tra này, tỷ lệ hút thuốc ở

nhóm tuổi 15 – 24 là nhóm tuổi tương đương nhóm sinh viên là 13,6% và nhóm tuổi 24 – 64 là nhóm người lao động là 28,8%. Một nghiên cứu khác của Đỗ Văn Dũng và cộng sự cũng cho thấy tỷ lệ hút thuốc trong sinh viên là 9,53% đối với sinh viên các trường đại học và 15,61% với sinh viên các trường dạy nghề [1]. Nghiên cứu trên nhóm sinh viên Y của Nguyễn Văn Huy và Đào Thị Minh Lan cho thấy tỷ lệ hút thuốc trong sinh viên nam là rất cao với 43,4% nam sinh viên tại trường Đại học Y Hà Nội [2] và 58,4% nam sinh viên tại Đại học Y Huế hút thuốc [3]. Nghiên cứu của Đào Thị Minh An và cộng sự cũng cho thấy tỷ lệ hút thuốc cao trong nhân viên Y tế với 35,6% nam giới và 1,8% nữ giới hút thuốc [7].

Tỷ lệ biết về quy định của Luật phòng chống tác hại thuốc lá cấm hút thuốc trong nhà ở khuôn viên các trường Đại học còn thấp và giảm đi có ý nghĩa thống kê ở giai đoạn 2. Tỷ lệ biết về Luật Phòng chống tác hại thuốc lá quy định cấm hút thuốc trong nhà ở các trường Đại học ở cán bộ không cao, tuy nhiên tăng lên trong giai đoạn 2 có ý nghĩa thống kê so với giai đoạn 1. Mặc dù vậy tỷ lệ biết về quy định do nhà trường ban hành rất cao ở cả hai nhóm sinh viên và cán bộ với 95,8% sinh viên và 98,2% cán bộ trả lời đúng về quy định ở giai đoạn 2. Tỷ lệ này ở giai đoạn 2 ở nhóm sinh viên tăng lên có ý nghĩa thống kê so với giai đoạn 1. Kết quả này cao hơn một nghiên cứu tương tự được tiến hành tại một trường Đại học Úc với chỉ 56% sinh viên trả lời đúng về quy định của nhà trường về cấm hút thuốc trong khuôn viên nhà trường [6]. Tỷ lệ trong nhóm cán bộ trong nghiên cứu này cũng cao hơn nghiên cứu trong nhóm cán bộ nữ tại một trường Đại học ở Jordan với 52,2% số cán bộ được hỏi biết là nhà trường có quy định và trong số đó chỉ có 54,5% trả lời đúng về quy định cấm hút thuốc trong nhà do nhà trường ban hành [11].

Hầu hết cán bộ và sinh viên của trường biết hút thuốc thụ động có hại cho sức khỏe với tỷ lệ cao trên 97% ở cả hai nhóm và hai giai đoạn nghiên cứu, với giai đoạn 2 tăng hơn so với giai đoạn 1. Tỷ lệ này cao hơn ở nhóm sinh viên trong nghiên cứu tại Saudi Arabia [5], với 86,8% sinh viên Đại học cho biết hút thuốc thụ động có thể có hại. Cũng trong nghiên cứu này, tỷ lệ này rất thấp ở nhóm cán bộ có hút thuốc (30,0%) và cao hơn ở nhóm cán bộ không hút thuốc (88,2%). Nghiên cứu tại trường Đại học Jordan cho thấy chỉ có 67,9% cán bộ nữ đồng ý rằng

hút thuốc thụ động gây hại cho sức khỏe, 60,3% cho rằng hút thuốc thụ động gây ung thư phổi và 85,2% đồng ý là mẹ hút thuốc thụ động gây thấp cân ở trẻ sơ sinh [11]. Trong nghiên cứu tại Đại học YTCC tỷ lệ biết về hút thuốc thụ động gây ung thư phổi là 82,8% ở giai đoạn 1 và 86,0% ở giai đoạn 2 và xấp xỉ 76% cán bộ đồng ý rằng mẹ hút thuốc thụ động gây thấp cân ở trẻ sơ sinh.

Tỷ lệ ủng hộ cấm hút thuốc hoàn toàn trong và ngoài nhà ở cán bộ và sinh viên Đại học YTCC rất cao và tăng lên có ý nghĩa thống kê ở giai đoạn 2 so với giai đoạn 1. Ở giai đoạn 2, tỷ lệ này là 98,4% ở sinh viên và 94,7% ở cán bộ, kết quả tương tự cũng được thấy trong nghiên cứu tại Saudi Arabia [5] với 97,4% sinh viên, 75,3% giảng viên và 87,4% cán bộ thuộc nhóm không hút thuốc ủng hộ cấm hút thuốc hoàn toàn, trong khi đó ở nhóm hút thuốc tỷ lệ này là 75,1% sinh viên, 63,2% giảng viên và 26,1% cán bộ. Tại trường Đại học Curtin, Úc, tỷ lệ ủng hộ thấp hơn trong nghiên cứu này với 70,4% cán bộ và 74,7% sinh viên đồng ý rằng cấm hút thuốc hoàn toàn trong trường làm tăng chất lượng cuộc sống [6].

Thái độ về quyền của người hút thuốc và người không hút thuốc trong nhóm sinh viên và cán bộ trường Đại học YTCC hầu hết là phù hợp, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên và cán bộ có thái độ tích cực khi có người hút thuốc tại nơi bị cấm (lên tiếng phản đối, nhắc nhở) vẫn chưa cao (37,4% sinh viên và 24,6% cán bộ đồng ý là nếu không muốn hít phải khói thuốc thì nên đi ra chỗ khác).

Tỷ lệ tuân thủ trong nghiên cứu này là cao với không có người hút thuốc nào ghi nhận có hút thuốc trong giai đoạn 2. Ghi nhận về việc nhìn thấy hành vi hút thuốc tại trường của người khác cho thấy ở giai đoạn 2 có tỷ lệ giảm có ý nghĩa thống kê ở cả sinh viên và cán bộ. Trong giai đoạn 2, 19,9% sinh viên và 7,9% cán bộ ghi nhận có nhìn thấy người hút thuốc tại trường trong 30 ngày qua. Trong nghiên cứu của Phạm Thị Quỳnh Nga và Lê Thị Thanh Hà, tỷ lệ người hút thuốc thừa nhận có hút trong trường chiếm 25% [4].

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập số liệu dựa trên bộ câu hỏi tự điền, do vậy các hạn chế của phương pháp thu thập số liệu có thể ảnh hưởng tới kết quả về tỷ lệ hút, cũng như kiến thức và thái độ của đối tượng nghiên cứu.

5. Kết luận

Tỷ lệ hút thuốc trong sinh viên và cán bộ trường Đại học YTCC thấp (dưới 1% ở sinh viên và dưới 3% ở cán bộ ở cả 2 giới), không có nữ sinh viên và cán bộ hút thuốc.

Sinh viên và cán bộ trường Đại học YTCC có kiến thức tốt về hút thuốc thụ động (trên 95%), có tỷ lệ cao có thái độ phù hợp về quyền của người không hút thuốc. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ chưa có thái độ tích cực khi có người khác hút thuốc trước mặt mình với xấp xỉ 40% có thái độ đồng tình với việc người không hút thuốc nên tránh đi chỗ khác nếu trong phòng có người hút thuốc. Nhận thức của sinh viên và cán bộ về quy định của trường cao, tuy nhiên hiểu biết về Luật Phòng chống tác hại thuốc lá còn thấp.

Việc tuân thủ quy định cấm hút thuốc lá tại trường Đại học YTCC được thực hiện tốt với tỷ lệ ghi nhận hành vi vi phạm thấp ở sinh viên (28,4% ở giai đoạn 1, 19,9% giai đoạn 2, $p<0,01$) và cán bộ (18,9% giai đoạn 1, 7,9% giai đoạn 2, $p<0,05$).

6. Khuyến nghị

Nhà trường cần tăng cường tuyên truyền cho sinh viên và cán bộ về Luật Phòng chống tác hại thuốc lá và những ảnh hưởng có hại của khói thuốc thụ động lên sức khỏe là những mảng kiến thức còn hạn chế của sinh viên và cán bộ.

Thông tin về quy định của nhà trường cần gắn với các thông tin về Luật Phòng chống tác hại thuốc lá để sinh viên và cán bộ có thêm kiến thức về Luật.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Đỗ Văn Dũng (2003). Tỷ lệ hút thuốc ở sinh viên, học sinh ở khu vực phía Nam Việt Nam 2002. Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh 7(1), 29 - 34
2. Nguyễn Văn Huy, Đào Thị Minh An (2008). Thực trạng hút thuốc và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Đại học Y Hà Nội. Tạp chí nghiên cứu Y học tập 53(1), trang 113 - 120
3. Nguyễn Văn Huy, Đào Thị Minh An (2008). Thực trạng hút thuốc và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Đại học Y Dược Huế. Tạp chí nghiên cứu Y học tập 54(2), trang 113 - 120
4. Phạm Thị Quỳnh Nga, Lê Thanh Hà (2006). Thực trạng kiến thức và Thái độ về hút thuốc lá tại trường Đại học Y tế công cộng trước và sau khi triển khai Trường Đại học không khói thuốc. Báo cáo kết quả nghiên cứu

Tiếng Anh

5. Almutairi, Khalid M. (2014). Attitudes of Students and Employees Towards the Implementation of a Totally Smoke Free University Campus Policy at King Saud University in Saudi Arabia: A Cross Sectional Baseline Study on Smoking Behavior Following the Implementation of Policy. *Journal Community Health*, 39, 894-900. doi:10.1007/s10900-014-9893-z
6. Burns, Sharyn, Jancey, Jonine, Bowser, Nicole, Comfort, Jude, Crawford, Gemma, Hallett, Jonathan, . . . Portsmouth, and Linda. (2013). Moving forward: a cross sectional baseline study of staff and student attitudes towards a totally smoke free university campus. *BMC Public Health*, 13(738).
7. Dao Thi Minh An, Nguyen Van Huy, Dao Ngoc Phong. (2008). Smoking Among Vietnamese Health Professionals: Knowledge, Beliefs, Attitudes, and Health Care Practice. *Asia-Pacific Journal of Public Health*, 20(1), 7 - 16
8. Deborah Ritchie, Amanda Amos, & Martin, Claudia. (2010). Public places after smoke-free--a qualitative exploration of

the changes in smoking behaviour. *Health Place*, 16(3), 461-469. doi:10.1016/j.healthplace.2009.12.003

9. Ellen J. Hahn, Mary Kay Rayens, Nancy York, Chizimuzo T. C. Okoli, Mei Zhang, Mark Dignan, & Al-Delaimy, Wael K. (2006). Effects of a smoke-free law on hair nicotine and respiratory symptoms of restaurant and bar workers. *Journal of occupational and environmental medicine*, 48(9), 906-913. doi:10.1097/01.jom.0000215709.09305.01
10. Hahn, Ellen J., Rayens, Mary Kay, Karen M. Butler, Mei Zhang, Emily Durbin, & Steinke, Doug. (2008). Smoke-free laws and adult smoking prevalence. *Prev Med*, 47(2), 206-209. doi:10.1016/j.ypmed.2008.04.009
11. Huda Gharaibeh, Linda Haddad, Sukaina Alzyoud, Omar El-Shahawy, Nesrin Abu Baker and Mary Umlauf. (2011). Knowledge, Attitudes, and Behavior in Avoiding Secondhand Smoke Exposure Among Non-Smoking Employed Women with Higher Education in Jordan. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 8, 4207-4219. doi:10.3390/ijerph8114207
12. James F Thrasher, R. P.-H., Kamala Swayampakala, Edna Arillo-Santillán, Matteo Bottai (2010). "Policy support, norms, and secondhand smoke exposure before and after implementation of a comprehensive smoke-free law in Mexico city." *American Journal of Public Health* 100(9): 1789-1798
13. Mary Kay Rayens, Patricia V. Burkhart, Mei Zhang, Seongjik Lee, Debra K. Moser, David Mannino, & Ellen J. Hahn. (2008). Reduction in asthma-related emergency department visits after implementation of a smoke-free law. *J Allergy Clin Immunol*, 122(3), 537-541 e533. doi:10.1016/j.jaci.2008.06.029
14. MOH. (2010). Global Adult Tobacco Survey Vietnam. Retrieved from
15. Ong, Michael K., & Glantz, Stanton A. (2004). Cardiovascular health and economic effects of smoke-free workplaces. *The American journal of medicine*, 117(1), 32-38. doi:10.1016/j.amjmed.2004.02.029